

Cách cách diễn đạt “*có xu hướng*”, chúng ta đã khá quen với những gương mặt như là “**tend to/ have a tendency to/ to be inclined to/ to be prone to/ are (more) likely to/ show proclivity for**”. Bài tập dưới đây không chỉ dành cho việc luyện bài ở nhà sau bài học trên lớp mà còn là nơi chúng ta xem lại để rèn lại kiến thức khi cần. Mỗi khi quên kiến thức và cần hồi tưởng thì hãy luyện tập những bài như dưới đây:

1. **Vietnamese:** Trẻ em thường có khuynh hướng phát triển nhanh về mặt trí tuệ và tinh thần khi được hỗ trợ đúng cách. (*dùng are inclined to*) (*properly*)
=> **English:**
2. **Vietnamese:** Đối với nhiều người, việc thực hiện thể dục đều đặn giúp họ ít có khả năng mắc các bệnh lý tim mạch. (*dùng tends to*) (*cardiovascular*)
=> **English:**
3. **Vietnamese:** Người đang trong tình trạng căng thẳng thường có xu hướng gặp khó khăn trong việc tập trung vào công việc. (*dùng tend to*) (*cụm under stress*)
=> **English:**
4. **Vietnamese:** Học viên được khuyến khích có tư duy sáng tạo sẽ có khả năng tìm ra giải pháp mới cho các vấn đề phức tạp. (*dùng tend to be more likely to*)
=> **English:**
5. **Vietnamese:** Những người sống ở khu vực đô thị có xu hướng phát triển năng lực chịu đựng áp lực cuộc sống cao. (*dùng tend to*)
=> **English:**
6. **Vietnamese:** Các nhà khoa học cần nhận biết rằng việc nghiên cứu quá mức có thể làm tăng nguy cơ mắc các vấn đề sức khỏe tâm thần. (*dùng tends to*)
=> **English:**
7. **Vietnamese:** Những người yêu thích nghệ thuật thường có khuynh hướng tìm hiểu và đánh giá cao sự sáng tạo trong cuộc sống hàng ngày. (*dùng to be inclined to + V*)
=> **English:**
8. **Vietnamese:** Dưới tác động của công nghệ, người trẻ có xu hướng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để tương tác và chia sẻ thông tin. (*dùng show proclivity for*)
=> **English:**
9. **Vietnamese:** Một tập trung cao độ và kiên nhẫn thường khiến người ta có khả năng cao hơn để đạt được mục tiêu lớn. (*dùng to be + more likely to + V*)
=> **English:**